

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày: 15-5-2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hùng;

Ông Tạ Kỳ Trung.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thu T, sinh năm 1986; địa chỉ: khu phố LT, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh có mặt

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị G, sinh năm 1971; địa chỉ: khu phố LT, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Phan Thanh S, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố LT, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh có mặt;

Anh Trương Văn N, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố LT, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, chị Hồ Thu T trình bày:

Giữa chị và chị G là hàng xóm với nhau, không có quan hệ họ hàng. Chị có cho chị G vay tổng cộng số tiền 450.000.000 đồng. Cụ thể các lần vay như sau:

- Lần thứ nhất vào ngày 17/02/2021, cho vay số tiền 50.000.000 đồng. Lãi suất 07%/tháng, trả được 7.000.000 đồng tiền lãi. Chị G có viết giấy nợ, có chị G ký tên vào bên vay. Sau khi viết ngày tháng vay do chưa ghi năm nên chị yêu cầu bà G ghi bổ sung “2021” phía trên. Chị xác nhận giấy nợ ngày 17/02/2021 do chị G viết;

- Lần thứ hai: Chị có tham gia chơi hụi ngày do chị G làm chủ hụi, mỗi phần 200.000 đồng, tổng cộng có 10 dây, chị tham gia 20 phần. Chị hốt hụi được 114.000.000 đồng. Chị G đăng cho chị 14.000.000 đồng và vay lại 100.000.000 đồng. Chị G có viết giấy nợ ngày 18/3/2021 giao chị giữ. Chị G trả chị được 4.100.000 đồng tiền lãi.

- Lần thứ ba: Chị có tham gia chơi hụi ngày do chị G làm chủ hụi, mỗi phần 200.000 đồng, tổng cộng có 10 dây, chị tham gia 20 phần. Chị hốt hụi được 114.000.000 đồng. Chị G đăng cho chị 14.000.000 đồng và vay lại 100.000.000 đồng. Chị G có viết giấy nợ ngày 17/4/2021 giao chị giữ. Chị G trả chị được 1.500.000 đồng tiền lãi suất.

- Lần thứ tư: Vào ngày 13/6/2021, cho vay số tiền 200.000.000 đồng, không tính lãi suất, có viết giấy nợ.

Việc vay tiền của chị là dùng vào việc chung của gia đình chị G nên anh N chồng chị G biết vì khi chị đòi tiền thì anh N có hứa bán đất để trả nợ cho chị.

Từ khi vay đến nay, chị G có trả cho chị được 12.600.000 đồng tiền lãi thông qua việc chị G đăng hụi thay chị. Ngoài ra, chị không có nhận bất kỳ số tiền nào của chị G. Nay chị đồng ý khấu trừ số tiền 12.600.000 đồng vào tiền lãi suất của chị G phải trả.

Chị yêu cầu vợ chồng chị G có nghĩa vụ trả cho chị tổng số tiền gốc là 450.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 13/6/2021 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị G trình bày:

Vào năm 2019, do chị Hường ở gần nhà chị thiếu nợ nhiều người nên có nhờ chị sang nhà chị T vay dùm số tiền 50.000.000 đồng. Khi vay, chị T yêu cầu chị viết giấy nợ cho chị T và hàng tháng chị đóng tiền lãi cho chị T trên số tiền vay 50.000.000 đồng. Chị không có vay số tiền nào của chị T vào ngày 17/02/2021 như lời trình bày của chị T. Theo giấy nợ “Hôm nay ngày 17 tháng 2 út G có mượn vợ chồng thủy sang 50 tiền tháng Gai

Phạm Thị G” là do chị viết, còn “2021” không phải do chị viết. Lãi suất 15%/tháng. Từ khi vay chị đóng tiền lãi cho chị T đến ngày 13/6/2022 thì ngưng.

Chị thừa nhận có viết giấy nợ ngày 18/3 với số tiền 100.000.000 đồng cho chị T nhưng số tiền này là tiền vay 50.000.000 đồng trước đó và tiền lãi chị không trả được cho chị T thành số tiền 100.000.000 đồng. Chị thừa nhận vào ngày 17/4/2021, do nhiều người hốt hụi không đăng lại hụi chết cho chị nên chị có vay của chị T số tiền 100.000.000 đồng để đóng choàng tiền hụi cho người khác. Lãi suất 15%/tháng. Chị đóng tiền lãi cho chị T đầy đủ đến ngày 13/6/2022 thì ngưng cho đến nay. Vào ngày 13/6/2021, chị thừa nhận có viết

giấy nợ với số tiền 200.000.000 đồng cho chị T là số tiền tổng từ giấy nợ ngày 18/3 và ngày 17/4. Ngày 13/6/2021, chị không có vay của chị T số tiền 200.000.000 đồng nào cả. Chị đồng ý trả cho chị T số tiền gốc 200.000.000 đồng. Chị yêu cầu tính lại số tiền lãi chị đã trả cho chị T từ năm 2019 đến ngày 13/6/2021 với số tiền lãi mỗi ngày 1.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả khoảng 400.000.000 đồng.

Bị đơn – anh Trương Văn N trình bày: Anh là chồng của chị G. Anh không có vay tiền của vợ chồng chị T, còn chị G có vay hay không thì anh không biết. Nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Thanh S trình bày: Anh là chồng của chị T. Anh thống nhất với lời trình bày của chị T và có cùng yêu cầu với chị T.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thu T “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với chị Phạm Thị G, anh Trương Văn N.

Buộc chị G, anh N có nghĩa vụ trả cho chị T, anh S số tiền 450.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Đồng thời, có khấu trừ tiền lãi suất đã thanh toán.

2. Về án phí: chị G, anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T thấy rằng: chị T yêu cầu chị G và anh N trả tổng số tiền gốc là 450.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 13/6/2021 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

[2.1] Chị G chỉ thừa nhận có nợ 200.000.000 đồng và đồng ý trả cho chị T số tiền này nhưng yêu cầu khấu trừ số tiền lãi suất mà chị đã trả cho chị T khoảng 400.000.000 đồng. Chứng cứ thể hiện tại giấy nợ ngày 13/6/2021 và được các đương sự thừa nhận. Do đó thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với số nợ 250.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 17/02/2021, 18/3/2021, 17/4/2021 thì chị G thừa nhận có ký tên và viết họ tên trong các giấy nợ này. Nhưng đối với số nợ này thì đến ngày 13/6/2021 giữa chị và chị T đã cộng dồn thành giấy nợ ngày 13/6/2021. Chị G cho rằng do tin tưởng chị T nên không yêu cầu chị T trả lại giấy nợ ngày 17/02/2021, 18/3/2021, 17/4/2021 cho chị. Chị T không thừa nhận việc này. Chị G không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, chị G đều thừa nhận giấy nợ ngày 17/02/2021, 18/3/2021, 17/4/2021 do chị viết và có ký tên vào giấy nợ. Do đó, nay chị T khởi kiện yêu cầu chị G trả số tiền nợ 250.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T đối với số tiền 450.000.000 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; buộc chị G trả số nợ gốc là 450.000.000 đồng cho chị T.

Qua làm việc anh N không thừa nhận có nợ tiền của chị T nên không đồng ý trả nợ cho chị T. Xét thấy, chị G vay tiền của chị T nhằm mục đích chăm lo cuộc sống gia đình, anh N bị bệnh không có khả năng lao động. Chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do chị G chăm lo. Do đó, chị T yêu cầu chị G và anh N có trách nhiệm cùng trả nợ cho chị là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Đối với lãi suất chị T thừa nhận là 07%/tháng (84%/năm), chị G cho rằng lãi suất là 15%/tháng. Do đó, các bên có mâu thuẫn về lãi suất nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất trong trường hợp này là 10%/năm. Thời gian tính từ ngày 13/6/2021 đến ngày 15/5/2024 là 02 năm 11 tháng 02 ngày.

Vậy tiền lãi suất theo quy định pháp luật chị Giá, anh N phải trả là: $450.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 02 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 131.500.000 \text{ đồng}$. Khấu trừ số tiền lãi chị G đã trả là 12.600.000 đồng nên số tiền lãi còn lại là: $131.500.000 \text{ đồng} - 12.600.000 \text{ đồng} = 118.900.000 \text{ đồng}$.

Vậy tổng nợ gốc và lãi, chị G và anh N có nghĩa vụ trả cho chị T, anh S là $450.000.000 \text{ đồng} + 118.900.000 \text{ đồng} = 568.900.000 \text{ đồng}$.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị G, anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + $181.900.000 \text{ đồng} \times 04\% = 26.756.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của chị Hồ Thu T đối với chị Phạm Thị G, anh Trương Văn N.

Buộc chị Phạm Thị G, anh Trương Văn N có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thu T, anh Phan Thanh S số tiền 568.900.000 (năm trăm sáu mươi tám triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Phạm Thị G, anh Trương Văn N phải chịu 26.756.000 (Hai mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Hồ Thu T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí 13.835.000 (Mười ba triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015020 ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm